

NGHIÊN CỨU MỨC ĂN PHÙ HỢP CHO GIAI ĐOẠN VỊT CON VÀ HẬU BỊ CỦA VỊT BỐ MẸ CHUYÊN THỊT VSM2227

Lê Thanh Hải, Dương Xuân Tuyền và Hồ Văn Thế

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chăn nuôi Gia cầm VIGOVA

Tác giả liên hệ: Lê Thanh Hải. ĐD: 0918567547. Email: haivigova@yahoo.com.vn

TÓM TẮT

Nghiên cứu xác định mức ăn phù hợp giai đoạn vịt con và hậu bị của vịt bố mẹ chuyên thịt VSM2227. Thí nghiệm bố trí theo kiểu ngẫu nhiên 1 yếu tố với yếu tố thí nghiệm là mức ăn nuôi vịt con và hậu bị. Lô 1 đối chứng ăn theo quy trình cũ, lô 2 có mức ăn cao hơn 3% lô 1, lô 3 mức ăn cao hơn 6% lô 1. Kết quả tỷ lệ nuôi sống các lô đều đạt cao và không có sự khác biệt ($P>0,05$). Khối lượng vịt 24 tuần tuổi các lô có sự khác biệt ($P>0,05$), lô 1 con trống đạt 3907,22 g, con mái đạt 3304,89 g; lô 2 con trống đạt 3992,67 g, con mái đạt 3381,55 g; lô 3 con trống đạt 4060,84 g, con mái đạt 3438,67 g. Tuổi đẻ lô 2 là 165 ngày rút ngắn thời gian nuôi hậu bị 5,33 ngày so với lô 1. Năng suất trứng 42 tuần đẻ đạt 216,41 quả/mái, cao hơn 4,87 quả/mái so với lô 1; hơn 8,14 quả/mái so với lô 3. Tiêu tốn thức ăn cho sản xuất 10 trứng lô 1, 2, 3 đạt tương ứng là 3,63 kg; 3,58 kg; 3,71 kg. Tỷ lệ trứng có phôi lô 1, 2, 3 tương ứng đạt 94,77%; 95,16% và 93,65%. Tỷ lệ vịt nở trên trứng có phôi lô 1, 2, 3 tương ứng đạt 80,44%; 81,17% và 78,40%. Mức ăn lô 2 là lựa chọn tốt nhất để áp dụng hoàn thiện quy trình nuôi dưỡng vịt bố mẹ chuyên thịt VSM2227.

Từ khóa: *Vịt bố mẹ chuyên thịt, mức ăn*

ABSTRACT

Suitable feeding level for meat type parent ducks VSM2227 from 0 to 24 week of age

The objective of the study is to determine the suitable feeding level for meat type parent ducks VSM2227 from 0 to 24 week of age. Experiment was arranged as one factor random design with experimental factor was feeding level. Treatment 1 was control with feeding level as the old process, feeding levels of treatments 2 and 3 are higher 3% and 6% respectively compare to treatment 1. The results showed that all the treatments had high survival rate and there was no difference between the treatments ($P> 0.05$). Body weight of 24 weeks of age ducks was different between treatments ($P> 0.05$). Body weight of male and female of treatment 1 were 3907.22 g and 3304.89 g; treatment 2 were 3992.67 g and 3381.55 g; treatment 3 were 4060.84 g and 3438.67 g, respectively. Laying age of treatment 2 was 165 days of age, earlier 5 days compare to treatment 1. Egg production/42 weeks reached 216.41 egg/female, higher 4.9 egg/female and 8.2 egg/female than treatment 2 and 3 respectively. FCR/10 eggs of treatments 1, 2, 3 were 3.63 kg, 3.58 kg and 3.71 kg, respectively. Hatching rate per fertilized egg of treatments 1, 2, 3 reached 80.44%, 81.17% and 78.40%, respectively. Feeding level of treatment 2 was the best choice to apply to complete the process of raising for meat type parent ducks VSM2227.

Key words: *Meat type parent ducks, food intake*